

Các nghiên cứu về môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hồ Thị Hiền^(*)

Tóm tắt: *Môi trường thu hút đầu tư là các yếu tố trong môi trường kinh doanh của một quốc gia có tác động thúc đẩy, khuyến khích hay hạn chế các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư ở một quốc gia nào đó. Một môi trường đầu tư tốt không chỉ mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động trên phạm vi toàn xã hội. Một môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút được đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là phải dựa vào sự ổn định chính trị, tiềm lực kinh tế, lợi thế về điều kiện tự nhiên, cũng như các chủ trương và các cơ chế chính sách nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài một bức tranh tổng thể và các thông tin toàn diện, cần thiết về môi trường đầu tư. Nội dung bài viết đem đến một bức tranh tổng quan các nghiên cứu về môi trường thu hút FDI, bao gồm cả các nghiên cứu trên thế giới và các nghiên cứu trường hợp Việt Nam.*

Từ khóa: FDI, Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Môi trường đầu tư, Tổng quan nghiên cứu

Môi trường đầu tư bao gồm các điều kiện liên quan đến kinh tế, chính trị, hành chính, cơ sở hạ tầng tác động đến hoạt động đầu tư và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Có rất nhiều vấn đề ảnh hưởng tới đầu tư đối với các doanh nghiệp, nhất là các vấn đề liên quan đến chính sách như tài chính, tín dụng, chính sách thương mại, chính sách thị trường lao động, các quy định, cơ sở hạ tầng, các vấn đề liên quan đến thu mua và tiêu thụ, chính sách thuế, chính sách phát triển các khu công nghiệp và các vấn đề liên quan đến hỗ trợ kỹ thuật và tài chính khác. Các

nghiên cứu về môi trường thu hút FDI đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Dưới đây là một số nghiên cứu tiêu biểu.

I. Các nghiên cứu trên thế giới

** Về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút FDI nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Làm thế nào để thu hút FDI và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để khu vực FDI phát huy vai trò thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng? Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách trên thế giới. Salvador Barrios và các cộng sự đã phân tích các tác động của FDI đến sự phát triển của

^(*) ThS., Phó khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An; Email: manhhien559@gmail.com

doanh nghiệp trong nước. Các tác giả tập trung phân tích hai tác động của FDI: hiệu ứng cạnh tranh và các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến thị trường nước ngoài nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp địa phương. Nghiên cứu sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích, đánh giá những tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế cũng như những tác động tiêu cực có thể có đối với sự phát triển của doanh nghiệp nội địa (Barrios, Holger Görg, Eric Albert Strobl, 2004).

** Về tác động của FDI đến cơ cấu ngành công nghiệp và sự tham gia của FDI làm giảm lợi nhuận các doanh nghiệp trong nước*

Phân tích tác động của FDI đối với các doanh nghiệp cùng ngành, nghiên cứu của James R. Markusen và Anthony J. Venables cho thấy cạnh tranh do sự tham gia của FDI có xu hướng làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, tác động từ việc liên kết với nhà cung cấp trong các ngành công nghiệp có thể giảm chi phí đầu vào, nâng cao lợi nhuận cho các doanh nghiệp nội địa. Các tác giả đã phát triển một khung phân tích để đánh giá các tác động và đi đến kết luận FDI có thể dẫn đến việc thiết lập các ngành công nghiệp địa phương (James R. Markusen và Anthony J. Venables, 1997).

Đánh giá vai trò của FDI đối với chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, trường hợp ngành công nghiệp ô tô ở Trung Âu và Đông Âu, Radosevic. S, Rozeik. A đã chỉ ra những yếu tố giải thích quy mô và chiều sâu của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ô tô; hiệu quả kinh tế của việc tái cơ cấu ngành công nghiệp ô tô trong điều kiện ràng buộc về lao động, thương mại và công nghệ. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của chính sách cấp quốc gia và cấp EU

trong việc định hình FDI và chuyển dịch cơ cấu trong ngành công nghiệp ô tô ở Trung Âu và Đông Âu (Radosevic. S, Rozeik. A, 2005).

Một nghiên cứu của FU Lifan cũng đã phân tích các tác động của FDI đến sự phát triển cơ cấu ngành công nghiệp của Trung Quốc, cũng như phân tích sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 1985-2008 ở Trung Quốc. Kết quả cho thấy: FDI có thể thúc đẩy công nghiệp Trung Quốc phát triển và tối ưu hóa trực tiếp sự phát triển đó thông qua một gói các hiệu ứng, chẳng hạn như sự thay đổi của cấu trúc cầu, tích lũy vốn, tiến bộ công nghệ, thay đổi thể chế và phát triển thương mại xuất khẩu (FU Lifan, 2010).

** Về mối quan hệ giữa FDI với tăng trưởng kinh tế và bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế*

Phân tích mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Malaysia giai đoạn 1971-2009, Nanthakumar Loganathan đã xem xét dòng FDI ròng như là một chỉ báo cho sự tăng trưởng FDI. Tác giả sử dụng phương pháp Johansen và VECM để phân tích mối quan hệ này. Kết quả thực nghiệm cho thấy, có mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng GDP thực (RGDP). Ngoài ra, tác động nhân quả giữa FDI và RGDP ngụ ý rằng FDI có ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của FDI như là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của một quốc gia, đặc biệt là Malaysia, và có thể được xem là một trong những yếu tố quan trọng để kích thích nền kinh tế và chính sách phát triển kinh tế trong tương lai (Nanthakumar Loganathan, 2011).

Bàn về vai trò bổ sung vốn đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Laura Alfaro

và Andrew Charlton khẳng định: FDI có tác động quan trọng tới việc bổ sung vốn cho nhu cầu của nền kinh tế và vì thế tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế cũng như tăng trưởng năng suất. Ở chiều ngược lại, tăng trưởng kinh tế cũng có ảnh hưởng đến xu hướng tăng trưởng của dòng vốn FDI. Các tác giả cũng xác nhận chiều tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam thông qua những nghiên cứu định lượng. Giả định các nhân tố khác không thay đổi, dựa trên kết quả phân tích định lượng giai đoạn 1990-2008 ở Việt Nam, các tác giả nhận định tăng trưởng GDP sẽ tăng thêm 0,194 điểm phần trăm khi tỷ trọng FDI giải ngân/GDP tăng thêm 1 điểm phần trăm (Laura Alfaro, Andrew Charlton, 2007).

** Về khuyến khích các nhà đầu tư thông qua việc can thiệp bằng các chính sách của chính phủ*

Ramkishen Rajan cho rằng, ở một mức độ chung, để một đất nước có được môi trường thu hút hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư, cần tạo ra một môi trường đầu tư bằng các chính sách của chính phủ. Nghiên cứu liên quan đến 32 nền kinh tế đang phát triển về mối quan hệ giữa chi phí hành chính và FDI với GDP sau khi kiểm soát các yếu tố khác. Môi trường chính sách trong nước có ảnh hưởng đến thu hút FDI nhằm mang lại vốn, bí quyết kỹ thuật, tổ chức, quản lý, tiếp thị thực hành và mạng lưới sản xuất toàn cầu, tạo điều kiện cho quá trình kinh tế tăng trưởng và phát triển ở các nước thu hút FDI. FDI có thể góp phần phát triển kinh tế của một quốc gia bằng cách: tăng nguồn lực tài chính cho phát triển; tăng khả năng cạnh tranh xuất khẩu; bảo vệ môi trường và xã hội; tăng cường tiến bộ khoa học công nghệ (chuyên nhượng, khuếch tán và thể hệ của công nghệ) (Ramkishen Rajan, 2015).

Khalid Sekkat và Marie-Ange Veganzones-Varoudakis bàn về cải cách thể chế và các biện pháp để cải thiện môi trường cho các doanh nghiệp trong các ngành của nền kinh tế, bước đầu khôi phục niềm tin vào nền kinh tế của các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển tập trung vào đầu tư sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh và năng suất quốc tế của mình, đồng thời cũng giải quyết nhu cầu kinh tế và xã hội cấp bách ngắn hạn. Các nhà đầu tư được chào đón đầu tư vào tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong những lĩnh vực có thể góp phần để xuất khẩu (Khalid Sekkat, Marie-Ange Veganzones-Varoudakis, 2007).

Nghiên cứu về cải cách chính sách và FDI ở châu Phi, Elizabeth Asiedu đưa ra nhận định: “Tiến độ tuyệt đối nhưng suy giảm tương đối”, mặc dù đã có những cải thiện trong môi trường chính sách của châu Phi về FDI. Họ lập luận rằng, mặc dù chính phủ đã cải cách thể chế, cải thiện cơ sở hạ tầng và tự do hóa khung pháp lý về FDI, tuy nhiên mức độ cải cách đã không có những bước đột biến so với những cải cách được thực hiện. Như một hệ quả, so với những vùng khác, châu Phi đã trở nên ít hấp dẫn đối với FDI. Nghiên cứu đưa ra một kết luận quan trọng là: trong một nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu, không chỉ cần cải thiện môi trường chính sách mà cần cải tiến một cách toàn diện hệ thống chính sách của nền kinh tế (Elizabeth Asiedu, 2005).

** Một số nghiên cứu khác*

Bastos và Nasir khám phá mối liên hệ giữa môi trường đầu tư và năng suất của doanh nghiệp và cố gắng xác định các yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến năng suất của doanh nghiệp. Phân tích của các tác giả được dựa trên dữ liệu thu thập được trong một cuộc khảo sát môi trường đầu tư

gần đây của các công ty may và chế biến thực phẩm trong năm quốc gia ở Đông Âu và Trung Á. Các tác giả sử dụng các thành phần chính đầu tiên của một loạt các chỉ số để tóm tắt các khía cạnh rộng lớn của môi trường đầu tư và xác định những thành phần quan trọng nhất trong việc xác định năng suất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng áp lực cạnh tranh là yếu tố quan trọng nhất trong môi trường đầu tư, các vấn đề liên quan đến chính phủ và gánh nặng thuế. Điều này gợi ý rằng để nâng cao năng suất, tăng sản lượng, giảm nghèo, hoạch định chính sách cần tập trung nỗ lực tháo gỡ những rào cản gia nhập và tạo được một thị trường cạnh tranh cao (Bastos, Nasir, 2004).

Benn Eifert, Alan Gelb đưa ra các bằng chứng kinh tế vĩ mô và vi mô về năng lực cạnh tranh của các ngành sản xuất ở châu Phi. Các tác giả dựa trên các lý thuyết mới để đánh giá lợi thế so sánh cũng như các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi môi trường kinh doanh. Tác giả sử dụng mô hình đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới năng suất bao gồm chi phí gián tiếp, rủi ro và môi trường kinh doanh, các nhân tố này có ảnh hưởng đến giảm năng suất của các doanh nghiệp ở châu Phi so với các nước khác. Nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt giữa các quốc gia châu Phi về môi trường kinh doanh mạnh. Ở một số quốc gia châu Phi, môi trường kinh doanh khó khăn dẫn đến xu hướng cải cách một số chính sách để tăng khả năng cạnh tranh và đa dạng hóa nền kinh tế (Benn Eifert, Alan Gelb, 2007).

Bàn về FDI và môi trường kinh doanh ở các nước đang phát triển, Susan Rose - Ackerman và Jennifer Tobin tập trung vào các tác động của hiệp định đầu tư song phương. Các tác giả nhận định, những tác động của hiệp định đầu tư song phương

đối với FDI và môi trường kinh doanh trong nước vẫn chưa được nghiên cứu nhiều, mặc dù các điều ước trong các hiệp định liên tục gia tăng trong nhiều năm qua. Hiệp định đầu tư song phương có tác dụng tích cực đối với FDI ở các nước có môi trường kinh doanh ổn định, kích thích dòng chảy FDI vào các nước (Susan Rose - Ackerman, Jennifer Tobin, 2005).

II. Các nghiên cứu ở Việt Nam

** Về vai trò của FDI đối với tăng trưởng, bổ sung vốn cho nền kinh tế và các giải pháp cải thiện môi trường thu hút FDI*

Bàn về vai trò bổ sung vốn đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các nghiên cứu của Nguyễn Phi Lâm (2006), Lê Việt Anh (2007) đã khẳng định: FDI có tác động quan trọng trong việc bổ sung vốn cho nhu cầu của nền kinh tế và vì thế tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế cũng như tăng trưởng năng suất. Ở chiều ngược lại, tăng trưởng kinh tế cũng có ảnh hưởng đến xu hướng tăng trưởng của dòng vốn FDI (Nguyễn Phi Lâm, 2006; Lê Việt Anh, 2007). Các nghiên cứu định lượng của Lê Xuân Bá và Nguyễn Thị Tuệ Anh, Nguyễn Thị Cành và Trần Hùng Sơn cũng xác nhận chiều tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam (Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2006; Nguyễn Thị Cành, Trần Hùng Sơn, 2009).

Bàn về các nhân tố tác động đến FDI, Đỗ Thị Thủy đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến FDI vào Việt Nam, nhất là giai đoạn 1997-2000 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong khu vực làm giảm sút FDI vào Việt Nam giai đoạn này. Trên cơ sở đánh giá và phân tích các nguyên nhân, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm thu hút FDI vào Việt Nam đến năm 2005 phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(Đỗ Thị Thuý, 2001). Đỗ Hoàng Long xem xét tác động của toàn cầu hóa đến quy mô vốn và cơ cấu vốn FDI vào Việt Nam trong quá trình hội nhập. Theo tác giả, đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa với nhiều biến động đặc trưng, dòng FDI chịu tác động của: (i) Môi trường pháp lý toàn cầu về FDI; (ii) Thị trường hàng hóa và dịch vụ toàn cầu; và (iii) Các yếu tố sản xuất, đặc biệt là nguồn nhân lực trên toàn cầu cũng như của nước tiếp nhận đầu tư (Đỗ Hoàng Long, 2008). Nếu Đỗ Hoàng Long nghiên cứu về các nhân tố thuộc môi trường bên ngoài tác động đến dòng FDI thì Hoàng Thị Thu lại nghiên cứu về các nhân tố bên trong. Bằng phương pháp định lượng, nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến FDI giai đoạn 1995-2006 bao gồm: thu nhập đầu người, tốc độ tăng trưởng GDP, chất lượng cơ sở hạ tầng, độ mở của nền kinh tế và chi phí lao động (Hoàng Thị Thu, 2009).

** Về thu hút, sử dụng FDI và các giải pháp cơ bản trong việc cải thiện môi trường thu hút FDI ở Việt Nam*

Bàn về thực trạng thu hút và sử dụng FDI, các tác giả Phan Hữu Thắng, Trần Đình Thiên, Trần Văn Thọ, Trần Nam Bình, CIEM - SIDA... đã có những đánh giá tổng quan, cũng như đi sâu phân tích từng nội dung cụ thể về thu hút và sử dụng FDI tại Việt Nam: quá trình hình thành, hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài và sự phát triển của Việt Nam, dòng vốn FDI vào các tỉnh/thành, dòng vốn FDI thời kỳ hậu gia nhập WTO. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế trong thu hút và sử dụng FDI. Từ góc độ quản lý, các nhà nghiên cứu cho rằng, hạn chế xuất phát từ bất cập trong hệ thống chính sách pháp luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính. Từ góc độ môi trường kinh doanh, hạn chế ở cơ sở hạ

tầng, năng lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ, ở trình độ phát triển của công nghiệp phụ trợ. Bên cạnh đó, những bất cập trong cấu trúc vốn FDI và phân cấp đầu tư, tình hình trì hoãn thực hiện dự án và rút vốn đầu tư gia tăng cũng khiến hiệu quả sử dụng FDI chưa đạt được mong đợi (Phan Hữu Thắng, 2008; Trần Đình Thiên, 2008; Trần Văn Thọ, 2008; Trần Nam Bình, 2008; CIEM - SIDA, 2006; CIEM, 2010).

Về các giải pháp, kinh nghiệm và các cơ chế chính sách để tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam, có thể thấy nổi lên là các nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Nhã, Nguyễn Thị Liên Hoa, Trần Anh Phương, Vương Đức Tuấn... Các nghiên cứu đã có những đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI, từ đó đưa ra các chính sách, giải pháp phù hợp cho nền kinh tế của Việt Nam (Nguyễn Thị Kim Nhã, 2005; Nguyễn Thị Liên Hoa, 2000; Trần Anh Phương, 2004; Vương Đức Tuấn, 2007).

** Về cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nói riêng trong mối quan hệ với FDI*

Có khá nhiều nghiên cứu FDI về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, chỉ có một số ít các nhà nghiên cứu đề cập đến mối quan hệ của FDI với chuyển dịch cơ cấu kinh tế hay chuyển dịch ngành công nghiệp.

Tổng Quốc Đạt đã làm rõ vấn đề lý luận cơ bản về FDI và cơ cấu FDI theo ngành kinh tế; hệ thống những thay đổi về cơ chế, chính sách của Việt Nam trong thời kỳ từ khi ban hành Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài (năm 1987) nhằm thu hút FDI theo ngành kinh tế; đánh giá thực

trạng hoạt động FDI theo ngành kinh tế của Việt Nam đến năm 2005. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số quan điểm, định hướng trong thu hút FDI, hướng tới điều chỉnh cơ cấu ngành kinh tế thông qua khẳng định vai trò của FDI với tư cách là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân; đồng thời đề xuất một số giải pháp chủ yếu định hướng thu hút FDI theo ngành kinh tế để chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời gian tới. Nghiên cứu được thực hiện ở thời điểm chuẩn bị điều chỉnh hệ thống khung chính sách pháp luật cho việc hội nhập WTO nên còn nhiều hạn chế, chưa phản ánh được những biến động liên quan đến bùng nổ cam kết FDI, đến năng lực hấp thụ FDI và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời gian gần đây (Tống Quốc Đạt, 2005).

Nguyễn Tấn Vinh đã sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến để xem xét ảnh hưởng của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành. Nghiên cứu cũng chỉ rõ FDI có ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế: (1) FDI tác động tới tăng trưởng kinh tế ngành; (2) FDI là kênh quan trọng của chuyển giao công nghệ, góp phần vào tăng trưởng kinh tế ngành; (3) FDI và lao động ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ngành; (4) FDI tương tác với vốn đầu tư trong nước, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ngành; (5) Hiệu quả ngoại ứng từ năng suất ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ngành; (6) Hiệu ứng xuất khẩu từ FDI ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ngành (Nguyễn Tấn Vinh, 2011).

Về môi trường đầu tư với hoạt động thu hút FDI, nghiên cứu của Nguyễn Thị Ái Liên và Đỗ Hải Hồ đã làm rõ các vấn đề về môi trường đầu tư của Việt Nam và các tỉnh vùng Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam, những ảnh hưởng của sự

thay đổi môi trường đến thu hút FDI. Các tác giả vận dụng phương pháp Pareto để phân tích những trở ngại trong môi trường đầu tư ảnh hưởng đến thu hút FDI vào Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI có hiệu quả vào Việt Nam nói chung, các tỉnh vùng Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam nói riêng. Đồng thời đã bổ sung một số tiêu chí về sự đồng thuận, chăm sóc dự án để cải thiện môi trường đầu tư và đề xuất mô hình kinh tế lượng gồm 3 biến độc lập là sự đồng thuận, chất lượng cơ sở hạ tầng địa phương và chất lượng nguồn nhân lực (Nguyễn Thị Ái Liên, 2011; Đỗ Hải Hồ, 2011).

Tổng quan cơ cấu công nghiệp Việt Nam qua các thời kỳ (trước 1945; 1945-1985; 1986-2006) và đánh giá những vấn đề của cơ cấu công nghiệp trong giai đoạn 1991-2006, Bùi Thị Thiêm đã nghiên cứu vấn đề cơ cấu công nghiệp qua nhiều chiều cạnh khác nhau như: cơ cấu thành phần sở hữu, cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu ngành. Cơ cấu ngành gồm bốn nhóm là: (1) nhóm ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống, (2) nhóm ngành công nghiệp khai thác, (3) nhóm ngành chế biến - lắp ráp và (4) nhóm ngành chế tạo sản phẩm kỹ thuật cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ chuyển dịch diễn ra chậm, cơ cấu phân bổ dàn trải, không có các ngành công nghiệp mũi nhọn, vai trò của công nghiệp chế biến - một động lực quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động - còn mờ nhạt, thiếu liên kết giữa khu vực FDI và khu vực doanh nghiệp trong nước (Bùi Thị Thiêm, 2007).

* * *

Có thể thấy, các nghiên cứu về môi trường thu hút FDI trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã được thực

hiện từ nhiều phương diện và góc độ khác nhau và đã có những giá trị thực tiễn nhất định. Các nghiên cứu ở nước ngoài tập trung vào các vấn đề thu hút FDI và những ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời đi sâu phân tích vấn đề tạo môi trường thu hút FDI để phát triển kinh tế cho các quốc gia. Đặc biệt, có một số nghiên cứu cụ thể về chính sách của chính phủ nhằm khuyến khích các nhà đầu tư và tạo môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút FDI. Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng tập trung vào vấn đề thu hút FDI và những ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và một số tác động khác, từ đó đề xuất các giải pháp về tạo môi trường nhằm thu hút FDI vào Việt Nam và một số địa phương. Những nghiên cứu trên đây là cơ sở cho chúng tôi khi nghiên cứu vấn đề tạo môi trường đầu tư nhằm thu hút FDI vào Việt Nam theo hướng phát triển bền vững, trong đó đặc biệt chú trọng đến các chính sách của Chính phủ Việt Nam để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam □

Tài liệu tham khảo

1. Lê Việt Anh (2009), *Dự án HaUI - JICA về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp*, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
2. Bastos Fabiano, John Nasir (2004), "Productivity and the Investment Climate: What Matters Most", *World Bank Policy Research Working Paper*, N°3335.
3. Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006), *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 15 năm (1991-2005): từ góc độ phân tích đóng góp của các nhân tố sản xuất*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
4. Benn Eifert, Alan Gelb (2005), *Business Environment and Comparative Advantage in Africa: Evidence from the Investment Climate Data*, Center for Global Development.
5. Trần Nam Bình (2008), *Khi rồng muốn thức dậy*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Cành, Trần Hùng Sơn (2009), "Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển và tăng trưởng kinh tế Việt Nam", *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 225, tháng 7.
7. CIEM - SIDA (2006), *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Dự án SIDA, Hà Nội, tháng 2/2006.
8. CIEM (2010), *Báo cáo Kinh tế Việt Nam năm 2010*.
9. Tổng Quốc Đạt (2005), *Cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành kinh tế ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Thị Liên Hoa (2000), *Các giải pháp thu hút nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
11. Trần Ngọc Hoàng (2003), *Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với khu vực FDI tại Việt Nam (minh họa tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam)*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.
12. Đỗ Hải Hồ (2011), *Cải thiện môi trường đầu tư ở các tỉnh vùng Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
13. Phạm Văn Hùng (2008), *Tác động của minh bạch hóa hoạt động kinh tế đến FDI vào Việt Nam*, Đề tài cấp bộ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

14. Elizabeth Asiedu (2006), “Foreign Direct Investment in Africa: The Role of Natural Resources, Market Size, Government Policy, Institutions and Political Instability”, *The World Economy*, pages 63-77, January.
15. FU Lifen (2010), “Foreign Direct Investment and Industry Structural Upgrade”, *M & D Forum, Journal of Economics and Sustainable Development*, Vol.4, N°5.
16. James R. Markusen, Anthony J. Venables (1997), “Foreign Direct Investment as a Catalyst for Industrial Development”, *European Economic Review*, Elsevier, Vol. 43(2): 335-356, February.
17. Khalid Sekkat and Marie-Ange Veganzones - Varoudakis (2007), “Openness, Investment Climate, and FDI in Developing Countries”, *Review of Development Economics*, Pages 607-620, November 2007.
18. Laura Alfaro và Andrew Charlton (2007), “International Financial Integration and Entrepreneurial Firm Activity”, *NBER Working Paper*, N°13118, Issued in May.
19. Nguyen Phi Lan (2006), “FDI and its Linkage to Economic Growth in Vietnam: A Provincial Level Analysis”, *Working paper*, Centre for Regulation and Market Analysis, University of South Australia.
20. Nguyễn Thị Ái Liên (2011), *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút FDI vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
21. Đỗ Hoàng Long (2008), *Tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với dòng FDI vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
22. Nanthakumar Loganathan (2011), *Economic growth and foreign direct investment in Malaysia: Evidence from empirical testing*, International Journal Asian Business Economies.
23. Nguyễn Thị Kim Nhã (2005), *Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
24. Trần Anh Phương (2004), *Một số giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước nhóm G7 vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
25. Radosevic, S, Rozeik, A (2005), “Foreign Direct Investment and Restructuring in the Automotive Industry in Central and East Europe” *Economics Working Papers 53*, Centre for the Study of Social and Economic Change in Europe, SSEES, UCL: London, UK.
26. Ramkishan Rajan and Rabin Hattari (2010), “India as a source of outward foreign direct investment”, *Oxford development studies*, N°4: 497-518.
27. Salvador Barrios, Holger Görg, Eric Albert Strobl (2004), “Foreign Direct Investment, Competition and Industrial Development in the Host Country: An Analysis for the Case of ‘White’ Certificates”, *Discussion papers*, German Institute for Economic Research.
28. Susan Rose - Ackerman và Jennifer Tobin (2005), “Foreign Direct Investment and the Business Environment in Developing Countries: The Impact of Bilateral Investment Treaties”, *Yale Law & Economics Research Paper 293*.

29. Phan Hữu Thắng (2008), *20 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài - nhìn lại và hướng tới*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
30. Trần Đình Thiên (2008), *FDI: 20 năm và những bài học*, Trung tâm Thông tin và dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia.
31. Bùi Thị Thiêm (2007), “Một số vấn đề về cơ cấu công nghiệp Việt Nam, *Tạp chí Khoa học*, Kinh tế - Luật 23.
32. Trần Văn Thọ (2008), “Đánh giá quan hệ Việt - Nhật trong quá trình phát triển của kinh tế Việt Nam, những gợi ý cho giai đoạn tới”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, <http://www.dised.danang.gov.vn/LinkClick.aspx?fileticket=GSUdm8CofZE%3D&tabid=61>
33. Hoàng Thị Thu (2007), *Determinants of foreign direct investment in Vietnam*, National Conference of Economists 2007, 3rd, Kasetsart University.
34. Đỗ Thị Thủy (2001), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong giai đoạn 1988-2005*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
35. Nguyễn Xuân Trung (2012), *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng FDI tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội.
36. Vương Đức Tuấn (2007), *Hoàn thiện cơ chế chính sách để thu hút FDI ở Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2001-2010*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
37. Nguyễn Tấn Vinh (2011), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.